

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG THỦY LỢI II VÀ
CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 29

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bào	Thành viên
Ông Trần Hữu Thành	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hải Sơn	Trưởng ban
Ông Quân Xuân Bình	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Thúy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Kinh Doanh
Ông Hồ Hữu Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD KCS
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thu Hương	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Số: 17.264HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0067-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Hồ Nam Đông
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2657-2016-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016 (Xem TM số 11)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.584.639.281	185.854.172.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	59.994.702.230	56.862.278.171
1. Tiền	111		8.287.680.736	8.398.790.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.707.021.494	48.463.487.861
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.440.000.000	43.450.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	20.440.000.000	43.450.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.286.878.062	65.487.784.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	50.127.033.684	48.926.885.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.569.761.120	2.052.483.082
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	16.828.823.377	24.676.762.519
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(15.238.740.119)	(10.168.345.740)
IV. Hàng tồn kho	140		8.473.353.048	18.532.831.925
1. Hàng tồn kho	141	5.6	8.473.353.048	18.532.831.925
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		389.705.941	1.521.277.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	225.443.050	421.029.704
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		164.262.891	1.100.247.546
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.495.117.794	79.350.634.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.681.000.000	30.567.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		23.681.000.000	30.567.000
II. Tài sản cố định	220		20.281.744.239	19.320.067.438
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	16.175.154.785	15.213.477.984
Nguyên giá	222		41.289.841.730	35.801.621.730
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.114.686.945)	(20.588.143.746)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	4.106.589.454	4.106.589.454
Nguyên giá	228		4.106.589.454	4.106.589.454
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.764.338.046	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	7.764.338.046	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	60.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	60.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.768.035.509	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.768.035.509	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		221.079.757.075	265.204.806.693

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016 (Xem TM số 11)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		97.324.021.568	177.767.654.069
I. Nợ ngắn hạn	310		97.324.021.568	123.739.895.629
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	17.216.719.035	32.335.393.532
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.712.298.749	51.010.389.569
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.230.284.491	2.608.842.812
4. Phải trả người lao động	314		6.834.867.000	8.068.312.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	31.422.059.809	24.918.338.516
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	4.200.847.518	3.585.026.234
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		706.944.966	1.213.592.966
II. Nợ dài hạn	330		-	54.027.758.440
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	54.027.758.440
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.755.735.507	87.437.152.624
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	123.755.735.507	87.437.152.624
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.200.000.000	4.200.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.618.097.624	20.825.815.842
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.937.637.883	20.411.336.782
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.937.637.883	20.411.336.782
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		36.000.000.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		221.079.757.075	265.204.806.693



Ths. Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015 (Xem TM số 11)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	148.482.326.262	226.809.363.154
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		148.482.326.262	226.809.363.154
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	114.473.660.926	184.827.617.835
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.008.665.336	41.981.745.319
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.894.847.585	5.307.790.355
6. Chi phí tài chính	22		38.832.484	-
Trong đó, chi phí lãi vay	23		7.833.870	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	22.651.394.765	21.004.347.627
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.213.285.672	26.285.188.047
9. Thu nhập khác	31		-	100.000.000
10. Chi phí khác	32		187.627.249	100.000.000
11. Lợi nhuận khác	40		(187.627.249)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.025.658.423	26.285.188.047
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	4.088.020.540	5.873.851.265
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.937.637.883	20.411.336.782
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.937.637.883	20.411.336.782
16. Lợi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	71	5.15.4	3.080	4.860



Ths. Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015 (Xem TM số 11)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.025.658.423	26.285.188.047
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.5	4.526.543.199	4.050.004.147
Các khoản dự phòng	03		5.686.215.663	5.052.771.473
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		657.129	(68.689.282)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3	(5.894.847.585)	(5.239.101.073)
Chi phí lãi vay	06		7.833.870	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.352.060.699	30.080.173.312
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.499.373.654	2.835.208.054
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.059.478.877	8.398.453.861
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.015.718.151)	6.088.831.250
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(25.348.764)	316.798.608
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.833.870)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.12	(4.637.605.734)	(5.511.014.356)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.360.591.975	5.064.441.244
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(26.216.229.922)	(29.638.662.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.631.231.236)	17.634.229.770
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.488.220.000)	(4.744.070.473)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.192.232.000)	(37.450.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.431.125.000	23.570.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.3	5.894.847.585	5.239.101.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.645.520.585	(13.384.969.400)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015 (Xem TM số 11)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	4.990.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(5.995.645.552)	(50.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.685.744.000)	(10.451.075.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.691.389.552)	(10.501.075.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		2.322.899.797	(6.251.814.630)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57.672.459.562	63.045.403.519
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(657.129)	68.689.282
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	59.994.702.230	56.862.278.171



Ths. Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty).

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 261. (31/12/2015: 257).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan gồm: Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý). Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế; kiểm tra chất lượng công trình. Kiểm định chất lượng công trình. Xác định nguyên nhân sự cố công trình. Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng. Thẩm tra dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế; thẩm tra dự toán. Quản lý dự án. Nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo qui định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phụt xử lý nền và thân công trình. Tư vấn đấu thầu (thiết kế, xây lắp, mua sắm) công trình thủy lợi. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thủy lợi, thủy điện. Khảo sát và đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng. Tư vấn xây dựng công trình: hạ tầng cơ sở, cầu, đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi: xây dựng và hoàn thiện. Tư vấn về vệ sinh môi trường. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu, đường bộ, thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, giám sát: xây dựng và hoàn thiện loại công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Đo đạc bản đồ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chống sạt lở đất, hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cấp thoát nước, công trình ngầm dưới đất- nước, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hoạt động vui chơi giải trí: Tư vấn đầu tư xây dựng, kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh bất động sản.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản.
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Vào đầu năm 2016, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và một công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con trực tiếp được hợp nhất

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phước Hòa	Số 461 đường 30 Tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	70%	70%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12;

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	332.163.710	7.619.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.955.517.026	8.391.170.568
Các khoản tương đương tiền	51.707.021.494	48.463.487.861
Cộng	59.994.702.230	56.862.278.171

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng.

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP	4.995.390.982	7.608.813.760
Công ty TNHH MTV 17	16.111.308.484	16.111.308.484
Công ty TNHH Hoàng Minh	7.482.094.409	-
Các khách hàng khác	21.538.239.809	25.206.762.804
Cộng	50.127.033.684	48.926.885.048

5.4. Phải thu khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	232.094.868	-	156.046.149	-
Phải thu thanh toán khoán	882.259.936	-	763.102.635	-
Ký cược, ký quỹ	15.696.941.374	-	23.691.231.689	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	9.932.567	-	66.382.046	-
Phải thu khác	7.594.632	-	-	-
Cộng	16.828.823.377	-	24.676.762.519	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	28.053.557.939	12.814.817.820	16.111.110.386	5.942.764.646
Cộng	28.053.557.939	12.814.817.820	16.111.110.386	5.942.764.646

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Công trình Thương Mại và Giao Thông Vận Tải Công ty TNHH MTV 17	2.942.540.500	1.471.270.250	Từ 1 đến 2 năm	3.164.693.000	-	Dưới 1 năm
Các khách hàng khác	13.893.743.060	9.725.620.142	Dưới 1 năm Từ 1 năm đến trên 3 năm	-	-	Dưới 1 năm Từ 1 năm đến trên 3 năm
	11.217.274.379	1.617.927.428	Từ 1 năm đến trên 3 năm	11.590.120.386	2.778.071.646	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Cộng	28.053.557.939	12.814.817.820		16.111.110.386	5.942.764.646	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	318.487.059	-	276.915.850	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.154.865.989	-	18.255.916.075	-
Cộng	8.473.353.048	-	18.532.831.925	-

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư Dự án Công trình nhà máy thủy điện Phước Hòa.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	4.648.132.427	20.467.252.900	10.264.494.760	421.741.643	35.801.621.730
Mua trong năm	-	4.813.740.000	674.480.000	-	5.488.220.000
Tại ngày 31/12/2016	4.648.132.427	25.280.992.900	10.938.974.760	421.741.643	41.289.841.730
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	2.766.049.242	11.387.879.615	6.046.639.919	387.574.970	20.588.143.746
Khấu hao trong năm	95.047.358	2.995.456.967	1.426.038.872	10.000.002	4.526.543.199
Tại ngày 31/12/2016	2.861.096.600	14.383.336.582	7.472.678.791	397.574.972	25.114.686.945
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	1.882.083.185	9.079.373.285	4.217.854.841	34.166.673	15.213.477.984
Tại ngày 31/12/2016	1.787.035.827	10.897.656.318	3.466.295.969	24.166.671	16.175.154.785

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.501.879.694 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất lâu dài.

5.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí trả trước hoạt động chờ phân bổ.

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	5.520.968.158	5.520.968.158	11.519.114.067	11.519.114.067
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	2.210.933.139	2.210.933.139	11.381.600.000	11.381.600.000
Công ty Cổ phần Phát triển Ngành nước và Môi Trường	2.677.361.145	2.677.361.145	-	-
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash and Cement	3.429.748.400	3.429.748.400	88.500.000	88.500.000
Phải trả cho các đối tượng khác	3.377.708.193	3.377.708.193	9.346.179.465	9.346.179.465
Cộng	17.216.719.035	17.216.719.035	32.335.393.532	32.335.393.532

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	9.678.952.651	8.596.423.093	-	1.082.529.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.162.320.789	4.088.020.540	4.637.605.734	-	1.612.735.595
Thuế thu nhập cá nhân	-	446.522.023	2.519.823.288	2.431.325.973	-	535.019.338
Cộng	-	2.608.842.812	16.286.796.479	15.665.354.800	-	3.230.284.491

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	-	51.448.700
Phải trả về cổ phần hóa	645.241.580	617.007.580
Phải trả thanh toán khoán	30.391.760.821	23.974.408.901
Các khoản phải trả, phải nộp khác	385.057.408	275.473.335
Cộng	<u>31.422.059.809</u>	<u>24.918.338.516</u>

5.14. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng bảo hành công trình do Nhóm công ty xây dựng.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THÙY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		
Tại ngày 01/01/2015	42.000.000.000	17.674.043.873	4.079.965.775	14.677.543.824	-	78.431.553.472	
Lãi trong năm trước	-	-	-	20.411.336.782	-	20.411.336.782	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.176.856.969	120.034.225	(3.296.891.194)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(-)	(-)	(-)	(880.652.630)	(-)	(880.652.630)	
Cổ tức	(-)	(-)	(-)	(10.500.000.000)	(-)	(10.500.000.000)	
Sử dụng quỹ	(-)	(25.085.000)	(-)	(-)	(-)	(25.085.000)	
Tại ngày 01/01/2016	42.000.000.000	20.825.815.842	4.200.000.000	20.411.336.782	-	87.437.152.624	
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.937.637.883	-	12.937.637.883	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	7.811.336.782	-	(7.811.336.782)	-	-	
Cổ tức	(-)	(-)	(-)	(12.600.000.000)	(-)	(12.600.000.000)	
Sử dụng quỹ	(-)	(19.055.000)	(-)	(-)	(-)	(19.055.000)	
Vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	36.000.000.000	36.000.000.000	
Tại ngày 31/12/2016	42.000.000.000	28.618.097.624	4.200.000.000	12.937.637.883	36.000.000.000	123.755.735.507	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của nhà nước	-	4.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	42.000.000.000	37.500.000.000
Cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

5.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.200.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.937.637.883	20.411.336.782
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(-)	(-)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	12.937.637.883	20.411.336.782
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.080	4.860

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	2.734,32	172.747,52

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	4.164.740.000	8.207.253.308
Doanh thu cung cấp dịch vụ	144.317.586.262	218.602.109.846
Cộng	148.482.326.262	226.809.363.154

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.164.740.000	7.693.616.944
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	110.308.920.926	177.134.000.891
Cộng	114.473.660.926	184.827.617.835

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	5.894.847.585	5.239.101.073
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	68.689.282
Cộng	5.894.847.585	5.307.790.355

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.336.221.792	12.494.206.545
Chi phí vật liệu quản lý	614.670.197	457.778.521
Chi phí đồ dùng văn phòng	344.166.086	489.673.453
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.514.588.044	1.415.186.573
Thuế, phí và lệ phí	139.396.000	128.930.000
Chi phí dự phòng	5.070.394.379	2.462.970.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.778.708	2.923.582.483
Chi phí bằng tiền khác	583.179.559	632.019.632
Cộng	22.651.394.765	21.004.347.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.497.189.674	39.498.226.138
Chi phí nhân công	57.113.942.717	64.399.774.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.526.543.199	4.050.004.147
Chi phí dự phòng	5.686.215.663	2.462.970.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.497.921.799	73.847.885.043
Chi phí khác bằng tiền	1.696.897.541	13.122.195.347
Cộng	127.018.710.593	197.381.055.132

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	17.025.658.423	26.285.188.047
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	436.831.673	414.135.883
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.462.490.096	26.699.323.930
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.492.498.019	5.873.851.265
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	595.522.521	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.088.020.540	5.873.851.265

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.990.000.000	-

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.995.645.552)	(50.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhóm công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty chỉ có một ngành nghề là tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

Nhóm công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Phước Hòa
2. Th.s Bùi Hữu Quỳnh
3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
– Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	276.000.000	276.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.665.605.000	4.892.000.000
Cộng	<u>3.941.605.000</u>	<u>5.168.000.000</u>

10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT CỦA NHÓM CÔNG TY

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Thu nhập	114.000.000	114.000.000

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<u>Năm 2016 VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.860	4.374

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do điều chỉnh giá trị trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Nhóm Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty tin rằng việc phân loại lại các số liệu sẽ phù hợp hơn về bản chất và sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc báo cáo.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 là năm đầu tiên Nhóm công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất do kiểm soát công ty con kể từ ngày 08/6/2016. Nên các số liệu so sánh là các số liệu trên báo cáo tài chính riêng năm trước của công ty. Do vậy, các số liệu này là không thể so sánh với năm nay.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Th.s Bùi Hữu Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Ngô Thu Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập